TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-03-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoài

Ông Lê Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị T, sinh năm: 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- *Bị đơn*: Anh Tô Đình S, sinh năm: 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang lao động tự do tại Cộng hòa S. (*Có ý kiến xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Tô Đình S đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên đi làm ăn xa quê, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, không quan tâm đến nhau, mỗi người đều có suy nghĩ và cách sống riêng. Đến khoảng năm 2016-2017 anh S đi làm và cho đến nay chưa về nhà, vợ chồng không liên lạc, tôi cũng không có thông tin gì về anh S. Đến

tháng 12/2023, nhận thấy vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T gửi đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Tô Đình S đến Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh H. Quá trình Tòa án nhân dân huyện Can Lộc thu thập chứng cứ thì chị T biết được anh S đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Do đó chị gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xin được ly hôn với anh Tô Đình S.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có hai con chung là cháu Tô Gia L, sinh ngày 01/3/2011 và cháu Tô Ngọc H, sinh ngày: 15/12/2014. Khi ly hôn chị Đặng Thị T yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đặng Thị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì lý do bận công việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Tô Đình S thông qua cuộc gọi video có hình ảnh với tài khoản Facebook của anh Tô Đình S là "Tô Sinh" (do ông Tô Đình N là bố đẻ của anh Tô Đình S cung cấp thông tin) tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Bị đơn anh Tô Đình S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Đình S thống nhất về nội dung trình bày của chị Đặng Thị T về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Năm 2016 anh S đi xuất khẩu lao động tại Đức và sau đó chuyển sang Cộng hòa S. Từ đó đến nay anh S không về nhà và đã có tình cảm với người phụ nữ khác. Anh S đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh S và chị T được ly hôn.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có hai con chung là cháu Tô Gia L, sinh ngày 01/3/2011 và cháu Tô Ngọc H, sinh ngày: 15/12/2014. Khi ly hôn, anh S đồng ý giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tô Đình S xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh S không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ tại Cộng hòa S nên anh S xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ủy quyền cho bố đẻ là ông Tô Đình N thay anh thực hiện việc giao nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án. Quá trình làm việc, ông Tô Đình N đồng ý chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tại liệu, văn bản của anh Tô Đình S, cam kết sẽ thông báo lại kịp thời nội dung các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án để anh S được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 143, khoản 4 Điều 147, 464,

469 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị T. Xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Tô Đình S.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Tô Gia L, sinh ngày 01/3/2011 và cháu Tô Ngọc H, sinh ngày: 15/12/2014 cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên; anh Tô Đình S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:***

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Đặng Thị T và anh Tô Đình S đăng ký kết hôn ngày 09/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Tô Đình S. Tại công văn cung cấp thông tin danh sách khách xuất nhập cảnh số 537/QLXNC-P3 ngày 05/01/2024 của Cục Q - Bộ C, xác nhận: Anh Tô Đình S, sinh ngày 10/8/1987; số hộ chiếu: C1444611; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 22/05/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Đặng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Tô Đình S hiện đang sinh sống, lao động tự do tại Cộng hòa S, không cung cấp được địa chỉ và thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ. Do điều kiện công việc nên anh S xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị T, anh S theo thủ tục chung.

[2]. ***Về nội dung:***

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị T và anh Tô Đình S tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của chị T và anh S là

hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên đi làm ăn xa quê, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, không quan tâm đến nhau, mỗi người đều có suy nghĩ và cách sống riêng. Đến năm 2016 anh S đi xuất khẩu lao động và cho đến nay chưa về nhà, vợ chồng không liên lạc. Nhận thấy vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đặng Thị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Tô Đình S. Anh Tô Đình S xác nhận những nội dung về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng và thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa, bản thân anh cũng đã có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên việc chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh S là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn anh S là có căn cứ và phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, cho chị T và anh S ly hôn.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có hai con chung là cháu Tô Gia L, sinh ngày 01/3/2011 và cháu Tô Ngọc H, sinh ngày: 15/12/2014. Hiện nay cả hai con đang sống cùng chị T. Cả chị T và anh S đều thống nhất giao 02 con chung cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Bản thân cháu Tô Gia L và cháu Tô Ngọc H cũng có đơn trình bày nguyện vọng với nội dung nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu muốn được ở với mẹ là Đặng Thị T. Xét thấy việc thỏa thuận của hai vợ chồng và ý kiến của cháu L, cháu H là tự nguyện nên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này cũng như ý kiến của hai cháu. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao 02 con chung là cháu Tô Gia L, sinh ngày 01/3/2011 và cháu Tô Ngọc H, sinh ngày: 15/12/2014 cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận, ý kiến của các bên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T, anh S xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Đặng Thị T. Cho chị Đặng Thị T và anh Tô Đình S ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Tô Gia L, sinh ngày 01/3/2011 và cháu Tô Ngọc H, sinh ngày: 15/12/2014 cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Anh Tô Đình S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000771 ngày 22/01/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Khắc Hoàng